

QUYỀN 81

Hỏi: Chúng sinh chẳng rõ pháp giới bình đẳng nhất tâm chân như nên dỗi chịu trầm luân; ngày nay tỏ ngộ tông này muốn vào địa vị Viên giác, trong môn lục độ vạn hạnh trang nghiêm dùng pháp gì để trợ đạo bảo nhậm chóng được thành tựu ?

Đáp: Nếu luận về sự trang nghiêm không gì chẳng phải hai nghiệp phước trí. Trong sáu ba-la-mật, năm độ trước là nghiệp phước đức, bát-nhã sau cùng là nghiệp trí tuệ. Trong năm nghiệp, phước đức trước, chỉ một môn thiền định là thiết yếu, đoạn trước đã nói nhiều, nay xin thuật lại. Một môn thiền định mà Tông Cảnh góp nhặt, căn cứ theo tông thì được khen ngợi là đệ nhất trong các thiền định; gọi là vương tam-muội, bao gồm các môn, chứa đựng nguồn hạnh, trùm khắp biến trí; còn gọi là vô tâm định, vì tương ưng với đạo; còn gọi là bất khả tư nghì định, vì tình trí bất đối đãi; còn gọi là chân như tam-muội, vì là cội rễ của vạn hạnh; còn gọi là nhất hạnh tam-muội, vì nhất niệm pháp giới; còn gọi là kim cang tam-muội, vì thường chẳng khuynh động; còn gọi là pháp tính tam-muội, vì luôn không biến đổi; vô lượng quán hạnh, biến ánh sáng trí tuệ của chư Phật đều từ đây sinh. Nếu chẳng thể hội lý này chẳng phải Phật trí, dùng Phật trí này chứng bản lý; lý thì chẳng đợi chiếu mà tự rõ; trí hẳn nhờ lý mà thành chiếu. Bản giác tính, trí tính tự rõ, vì bình đẳng tính trí rõ biết bản tính, cho nên biết lý không hung phế, tịch chiếu linh tri, mở rộng do người, giác ngộ có trước sau, người có chiếu phân, công do lý phát; mất lý thì mất chiếu, cần phải thấy lý này mới thành Phật. Lý này chính là nhất tâm, bao trùm vạn vật, đốn ngộ đốn tu không còn tuần tự. Vì người chưa tỏ ngộ, nơi pháp nhất tâm chia ra nhiều môn, nghĩa ấy được diễn Hằng sa cho đến vô tận, vì vậy *kinh Pháp Hoa* có bài kệ:

*Trí hẹp thích pháp nhỏ
Chẳng tự tin thành Phật
Thế nên dùng phương tiện
Phân biệt nói các quả.*

Thế nên tín tâm là cơ hội khó gặp của Phật, là bản hoài xuất thế của chư Phật, là chính ý của Tổ sư từ Ấn Độ sang. Từ xưa tiên đức một khi nghe câu “tức tâm là Phật”, gốc nghi liền dứt; có người muốn truyền pháp cho người sau bèn ngồi đạo tràng; có người thích dẹp bỏ tâm ngạo du ở nơi thanh tịnh vắng vẻ; có người chướng dày lòng tin kém mỏng chỉ nghĩ đến hướng ngoại tìm cầu, chạy theo ý người như lũ vẹt, mượn con mắt kẻ khác như loài thủy mẫu, vừa sinh tâm chẳng tin liền khởi tâm phỉ báng. Nay dẫn rộng tìm khắp chỗ vi tế toát yếu, hi vọng chứng minh cho hàng hậu học quyết định không nghi, đốn ngộ tự tâm, đắc thành pháp tắc vi diệu của Phật. Nếu luận về công đức pháp lợi vô biên, hư không có thể lường nhưng ý chỉ này khó cùng tận. Do đó *Thai giáo* nói: Nếu người muốn tất cả Phật pháp, tướng hảo, oai nghi, âm thanh thuyết pháp mười phương vô úy nên thực hành nhất hạnh tam-muội, siêng năng thực hành chẳng lười nhác thì có thể đắc nhập. Như hạt châu ma-ni càng mài càng sáng, thể chứng công đức bất tư nghi. Nhất hạnh tam-muội là hệ duyên pháp giới, nhất niệm pháp giới tin tất cả pháp đều là Phật pháp, không trước, không sau, không còn bờ mé, trụ nơi Phật trụ, an trụ trong tạng bí mật pháp giới tịch diệt thì lý không gì chẳng tròn, sự không gì chẳng đủ nên gọi là bí mật, cũng gọi là tông trì, rốt ráo quy về, mình người đều lợi ích. Thế nào là đều lợi ích ? Vì bình đẳng. Thế nào là bình đẳng ? Vì vô tướng. Như *kinh Nhập Phật Cảnh Giới* có bài kệ:

*Vào các định vô tướng
Thấy các pháp vắng lặng
Vì thường vào bình đẳng
Kính lễ vô sở quán.*

Lại tất cả các pháp có sự có lý, đủ thể, đủ dụng, chẳng thể thiên chấp trái với Viên thừa. Vì tự tính định là lý, dụng dẫn phát định là sự. Nhân sự hiển lý thì lý chiếu sáng; nhờ lý thành sự thì sự mới đầy đủ. Do lý của tính thật, sự của tướng hư, thể dụng xen suốt, ẩn hiển đồng thời, vô ngại song hành hay khế hợp Tông Cảnh. Nếu chỉ tu sự

định, chỉ tu tập thiền thế gian, tuy gọi là tu hành mà vẫn sinh ác giác, vì chẳng chế phục ý địa, chưa dứt cội nguồn của nó, nhiều kiếp tu luyện trở lại đắm chìm nơi đường khổ. Do đó *kinh Đại Niết-bàn*: Tất cả phàm phu tuy giữ gìn thân tâm nhưng vẫn còn sinh ra ba thứ ác giác ? Ba ác giác, đó là dục giác, khuê giác và hại giác. Vì tham dục nên sinh sân khuê, do sân khuê nên làm tổn hại. Phàm tu hành hướng về đạo vốn là ra khỏi vũng bùn ngũ dục, trở lại cầu lợi dưỡng danh tiếng như giẫm trên đất có rắn độc. Người tu thiền định giữ chính niệm vẫn bị ngoại duyên giác quán phá hoại huông chi kê phóng túng buông lung, cho nên biết ngày đêm thường bị lửa tham dục phiền não thiêu đốt, giặc thù giác quán xâm hại. Thế nên Uất-đầu-lam-phát dùng trí thế tục chế phục lậu hoặc hạ địa, được phi tướng định, có đủ năm phép thần thông. Khi ấy, vua kính trọng mời ông đến cung điện cúng dường; mỗi khi đến hoặc đi, Uất-đầu-lam-phát đều nương thần thông đi đến cung vua nhận sự cúng dường. Một hôm vua bận đi tuần, sai ái nữ y theo nghi thức cũ cúng dường ông ấy, vương nữ cung kính lễ dạy dưới chân, Uất-đầu-lam-phát chạm phải tay nàng liền khởi dục giác khiến mất thần thông. Thọ thực xong, ông ta giả bộ bày kế, bảo vương nữ: “Ta xưa nay đi lại đều nhờ thần thông, người dân kính ngưỡng mà không thể thấy được ta. Nay ta dùng bữa xong, ý muốn đi bộ trở về để nhân dân được thấy ta”. Vương nữ cho là thật liền tiễn ông ta ra cổng thành để về núi. Đã mất thần thông, trong lòng buồn bã, ông tọa thiền trong rừng, chim chóc hót vang ồn ào làm cho ông chẳng thể nhập định nên ông dời đến bên bờ ao để nhập thiền, nhưng trong ao cá khuấy động, nhân đây ông nổi sân liền sinh khuê giác, phát lời nguyện độc ác: “Mong cho đời sau ta làm con rái cá có cánh để bắt chim trên cây, bắt cá dưới nước ăn thịt để trả thù, do việc này ông liền khởi hại giác. Khi ấy, Uất-đầu-lam-phát lại dời đến nơi khác, chuyên tâm tập thiền lâu ngày mới được định, y như trước chúng được phi tướng tam-muội. Sau khi mạng chung, sinh lên cõi trời Phi tướng thọ mạng tám vạn đại kiếp; mãn tám vạn đại kiếp ông thọ

sinh vào cõi Dục làm con rái cá, còn gọi là con chồn bay để ứng với lời nguyên độ ác trước kia, bất cứ nơi nào dù dưới nước hay trên không nó đều ăn thịt tất cả loài vật. Cho nên kinh nói: “Dù đoạn trừ phiền não sinh lên cõi trời Phi tướng vẫn trở lại đọa vào ba đường ác”. Vì vậy trước tiên cần phải vào Tông Cảnh đạt căn bản nhất tâm vạn hạnh, sau đó dùng phước trí trang nghiêm thì chẳng uổng phí công phu mãi mãi chẳng lui sụt; được ý chỉ thì đại trí tròn sáng; được việc ấy thì đại dụng thành tựu, như sư tử phân tán thành thực chúng sinh trong pháp giới, như voi chúa chuyển động khai phát hàm thức trong mười phương. *Luận Hoa Nghiêm* nói: “Sư tử phân tán tam-muội là nơi mười phương thế giới khắp đồng tướng niệm tất cả chúng sinh tác dụng mà thành thực họ. Đại dụng mà không tạo tác là nghĩa của phân tán”.

Hễ vào Tông Cảnh muôn việc vẹn toàn, ngoài Tông Cảnh không còn một pháp để được. Như *kinh Di Giáo* nói: “Thế nên các tỳ-kheo cần phải chế phục tâm, chế phục tâm một chỗ thì không việc gì chẳng xong”. Nếu không chế phục tâm thì chẳng có lẽ ấy. Một niệm vừa khởi sinh tử như làn khói ngăn che thuyền bè ngũ âm lục nhập, kết chặt hang ổ mười hai chủng loại, như tù trong một vọng niệm kết thành mười hai loại, căn trần đối nhau phát thức tạo nghiệp. Nhân sắc có tình, lúc thấy sinh tướng. Nơi hai pháp tình tướng này đều sinh ra bốn tướng; từ trên tình sinh ra: 1- hữu sắc, 2- vô sắc, 3- phi hữu sắc, 4- phi vô sắc; từ trên tướng sinh ra: 1- hữu tướng, 2- vô tướng, 3- phi hữu tướng, 4- phi vô tướng. Nhân tình có thai sinh, nhân tướng có noãn sinh, tình tướng hợp lại là thấp sinh, tình tướng lìa là hóa sinh. Trên tình vô sắc thì không tán tiêu trầm, trên tướng vô tướng thì đất gổ cây cối. Hai thứ này tuy là vô tình nhưng đều từ thức biến ra. Nếu một niệm chẳng sinh thì các loài đều tuyệt. Do đó *Tín Tâm Minh* nói:

*Nếu tâm chẳng khác
Muôn pháp nhất như
Nếu mắt mở sáng*

Chiêm bao tự trừ.

Lại kinh nói: “Ví như con mắt chuyển động nhìn nước lặng dường như lay động; nếu con mắt đứng yên, nước trong ao chẳng lay động; nếu trừ vọng kiến cũng không có tướng cỏ cây thành hoại. Nếu ngược mắt thấy sắc do có sắc ấm; cử thân chịu khổ lạc do có thọ ấm; khởi tâm liền loạn do có tướng ấm; mở mắt thấy sinh diệt do có hành ấm; tinh minh lặng dừng là thức ấm”.

Lại nếu dùng kim châm chích toàn thân đều biết, chẳng khởi phân biệt là thức ấm; nếu thứ lớp phân biệt thì đó là thức ấm khác, cho nên biết một niệm vừa khởi, năm ấm cùng sinh, thức vi tế chưa mất thì sáu trần chẳng diệt. Nếu ý nghĩa đèn duy thức thường chiếu thì vọng nào sinh được; gương trí nhất tâm luôn sáng, ý chỉ mãi tỏ rạng.

Hỏi: Bốn thế nguyện lớn và mười độ đều có thể phát hạnh, tại sao cần phải nương nơi nhất tâm đầy đủ đạo bồ-đề ?

Đáp: Nếu chẳng nương vào nhất tâm thì người cầu đại thừa nghi tình chẳng dứt. Cổ đức nói: “Người cầu đại thừa có hai điều nghi: Thể của pháp đại thừa là một hay là nhiều. Nếu là một thì không có pháp sai khác, không có pháp sai khác thì không có chúng sinh, Bồ-tát vì ai mà phát thế nguyện rộng lớn. Nếu là nhiều thì chẳng phải một thể, chẳng phải một thể nên vật ngã riêng biệt làm sao khởi được đồng thể đại bi, vì thế nghi hoặc chẳng thể phát tâm. Nay để dẹp bỏ hai điều nghi này là pháp nhất tâm mở bày hai môn chân như và sinh diệt, thể và dụng. Lập pháp nhất tâm là trừ điều nghi ban đầu, thuyết minh pháp đại thừa chỉ có nhất tâm, ngoài nhất tâm không còn pháp nào khác, chỉ có vô minh mê nhất tâm chính mình, khởi các sóng mồi trôi nổi sáu đường. Tuy nổi lên sóng của sáu đường nhưng chẳng ra ngoài biển nhất tâm. Chính bởi nhất tâm động tạo nên sáu đường nên phát được lời nguyện rộng lớn, sáu đường chẳng ra ngoài nhất tâm nên hay khởi đồng thể đại bi. Như thế nương vào nhất tâm có thể dẹp trừ hai điều nghi, phát tâm đại thừa đầy đủ Phật đạo.

Hoa Nghiêm Diển Nghĩa Ký giải thích “Nhu Lai pháp thân quán”, trước quán hạnh nguyện vi diệu của Bồ-tát Phổ Hiền; kế đến đem tam mật gia trì thân tâm thì có thể vào biển đại trí tuệ của Văn-thù-sư-lợi. Nhưng khi tu hành trước tiên cần phải ở nơi vắng vẻ, nhiếp niệm an tâm, khép mắt thẳng lưng, ngồi kiết-già, vận dụng tâm duyên khắp vô biên cõi nước, quán xét kỹ tất cả Nhu Lai ba đời, ở trước mỗi mỗi Phật, Bồ-tát ân cần cung kính lễ bái đi nhiều quanh. Lại dùng vô lượng phẩm vật cúng dường phụng hiến tất cả Thánh chúng. Sau khi cúng dường xong, cần phải quán tự tâm, tâm vốn chẳng sinh, tự tính thành tựu, ánh sáng chiếu khắp dường như hư không. Lại cần phải khởi lòng từ bi thương xót chúng sinh chẳng ngộ tự tâm luân hồi các nẻo, ta nên giáo hóa cứu vớt khiến cho khai ngộ tất cả không để sót. Lại phải quán sát tâm mình, tâm các chúng sinh và tâm chư Phật vốn không sai khác, bình đẳng nhất tướng thành đại bồ-đề, trong suốt thanh tịnh, bao la trùm khắp; tròn sáng trong sạch thành vàng trắng lớn, lượng bằng hư không chẳng có bờ mé. Thế nên thế giới cấu tịnh, pháp giới đại tiểu cho đến lục độ vạn hạnh đều từ tâm của phàm Thánh hiện ra. Cho nên kinh nói: “Bồ-tát ma-ha-tát với tâm ly cấu hiện thấy pháp giới chân như vô vi, với tâm tự tại hiện sinh ba cõi, vì giáo hóa các chúng sinh”.

Lại kinh nói: “Nương vào tâm ô nhiễm hư vọng của mình mà chúng sinh ô nhiễm, nương vào tâm tự tính thanh tịnh nên chúng sinh thanh tịnh”. *Kinh Chư Pháp Vô Hành* nói: “Tuy khen ngợi việc phát tâm bồ-đề mà biết tâm tính chính là bồ-đề; tuy khen ngợi kinh đại thừa mà biết tất cả các pháp đều là tướng đại thừa; tuy nói đạo Bồ-tát mà chẳng phân biệt A-la-hán, Bích-chi Phật, chư Phật; tuy khen ngợi bố thí mà thông đạt tướng bố thí bình đẳng; tuy ca ngợi trì giới mà biết rõ các pháp đều là giới tính; tuy ca ngợi nhẫn nhục mà biết các pháp vô sinh, vô diệt, vô tận tướng; tuy ca ngợi tinh tiến mà biết các pháp chẳng phát, chẳng hành tướng; tuy ca ngợi thiên định mà biết tất cả pháp thường định tướng; tuy ca ngợi trí

tuệ mà rõ thật tính của trí tuệ; tuy nói lời của tham dục mà chẳng thấy pháp đề tham; tuy nói lời của sân khuể mà chẳng thấy pháp đề sân; tuy nói lời của ngu si mà biết các pháp không si không ngại; tuy thị hiện chúng sinh đọa vào ba đường ác, chịu nỗi khổ sợ hãi mà chẳng có tướng của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Như thế các vị Bồ-tát tùy theo sự tin hiểu của chúng sinh bèn dùng sức phương tiện để nói mà tự tin hiểu pháp của nhất tướng, cho nên biết ngoài tâm không pháp, ở nơi đệ nhất nghĩa mà chẳng động. Vì người chưa tin vận dụng phương tiện nói các thứ đạo lý mà thực sự chỉ là nhất thừa. Do đó *kinh Bát-nhã* nói: “Tất cả pháp đều ma-ha-diễn, không gì chẳng chuyên chở”; *kinh Tư Ích* nói “hiểu các pháp là Bồ-tát biến hành”; *kinh Hoa Nghiêm* nói “vào pháp giới chẳng động Kỳ Viên”; *kinh Tịnh Danh* nói “một niệm tất cả biết tất cả pháp là đạo tràng”. Cho nên biết một pháp đầy đủ tất cả, đó gọi là viên mãn bồ-đề, thành tựu Phật đạo, cho đến ngồi thiền thấy cảnh, các việc ma khởi, chỉ cần rõ nhất tâm cảnh giới tự diệt, đây gọi là diệu thuật hàng ma, linh phương trị hoặc, chẳng dụng tâm thần an nhiên vào đạo.

Luận Khởi Tín nói: “Tu hành chỉ là trụ nơi yên tĩnh, ngồi kiết già, ngay thân chính ý, chẳng nương hơi thở, hình sắc, hư không, đất nước gió lửa cho đến chẳng nương thấy nghe hay biết, tất cả phân biệt tướng niệm đều trừ, cũng dẹp cả tướng trừ, vì tất cả pháp chẳng sinh chẳng diệt đều vô tướng. Tâm trước nương cảnh để bỏ cảnh, niệm sau nương tâm lại bỏ tâm, đem tâm chạy theo ngoại cảnh nhiếp trụ nội tâm, sau lại khởi tâm chẳng nắm lấy tâm tướng, vì lìa chân như chẳng thể được; cho đến ma sự hiện ra trước mắt, nghĩ rằng tất cả đều là tư duy, diệt trong sát-na, xa lìa các tướng nhập chân như tam-muội, tâm tướng đã lìa thì chân tướng cũng hết”.

Luận Ma-ha-diễn giải thích: Hoặc chân, hoặc ngụy chỉ là vọng tâm của mình, cảnh giới hiện lượng không có thật, vì không vướng mắc. Lại hoặc chân, hoặc ngụy đều là một chân như, đều là một Pháp thân không có sai khác, vì chẳng đoạn trừ. Thế nên chỉ cần rõ nhất tâm chẳng quên chính niệm, tất cả cảnh giới tự nhiên tiêu diệt

đó gọi là ứng niệm đoạn trừ dâm nhọc công hạnh! Đây là ý chỉ từ Ân Độ sang, là chính tông của chư Phật, viên tín viên tu chẳng đồng với quyền tiếm, ngay đó đắc lực, như thầy trò tâm ý khế hợp, như vật báu của nhà vua ban tặng đồng đều cùng với sự diệt độ bình đẳng của Như Lai đâu đồng với pháp hạ liệt của kẻ bần cùng ưa thích! Nếu có người chẳng tin chính nghĩa Tông Cảnh, trở lại rơi vào tà kiến, theo giả chấp quyền, mê muội chân thật, như lấy vàng đổi thiếc, đem phụng đôi gà, ngu si mờ tối như thế là do không có mắt. Như ngày xưa có người cưỡi ngựa đeo thắt lưng bằng vàng thấy người cưỡi lừa đeo thắt lưng bện tơ liền hỏi: Trong chợ vật gì quý nhất? Người cưỡi lừa đáp: Dây lưng bện tơ là quý nhất. Người cưỡi ngựa liền trao đổi. Cũng như thế, người ta vì sắc thanh mà vứt bỏ Chính pháp.

Hỏi: Đã là nhất tâm viên mãn giác đạo tại sao lại phát tâm bồ-đề? Nếu có thể phát tâm thì có chứng đắc, năng sở đã thành chỉ một nghĩa liền chẳng thành.

Đáp: Nói phát tâm tức là không chỗ phát, trọn chẳng lìa tâm mà có bồ-đề, lìa bồ-đề mà có tâm.

Kinh Đại Bảo Tích nói: “Trong bồ-đề tâm bất khả đắc, trong tâm bồ-đề cũng bất khả đắc; lìa bồ-đề tâm bất khả đắc, lìa tâm bồ-đề cũng bất khả đắc. Cho đến nếu nói thấy có bồ-đề để thủ chúng phải biết bọn này là người tăng thượng mạn. Nếu có thể tin hiểu như vậy mới là người phát bồ-đề tâm chân chính”.

Kinh Bát-nhã nói: “Nếu Bồ-tát biết tâm tính chính là bồ-đề mà có thể phát khởi tâm đại bồ-đề đây gọi là Bồ-tát”. Lại nữa, Bồ-tát Vô Sở Phát nói: “Biết tất cả pháp đều vô sở phát mà phát tâm bồ-đề”. Nhưng đối với chân như sở chứng ngoài như không trí, hay phát diệu trí; ngoài trí không như, cùng chiếu cùng che, chẳng còn chẳng mất, chẳng hai mà hai, lý trí dường như phân chia; hai mà chẳng hai, năng sở đều lặng, đây là gốc của nhất tâm bồ-đề vạn hạnh. Đã có thể thông đạt pháp nhĩ lợi tha vận dụng đồng thể đại bi đâu còn năng sở, dùng phương tiện vô đắc thì ai lập tự tha?

Chỉ Quán nói: “Người phát tâm bồ-đề chân chính đã thấu tỏ cảnh bất tư nghi, biết một khổ là tất cả khổ, tự thương xót nỗi khổ ngày xưa khởi phiền não đấm trước sắc thanh thô tẻ, buông lung thân miệng ý, tạo các nghiệp bất thiện. Luân hồi nơi các đường ác lại thêm các nhiệt não, thân khổ tâm khổ mà tự tổn thương; ngày nay lại bị dây ái ràng buộc, đên si làm hại trải qua trăm ngàn vạn kiếp làm sao chẳng thống khổ! Giả sử muôn xả bỏ ba đường ác, ưa thích ngũ giới thập thiện, chuyên tâm tu phước như trao đổi mua bán ngoài chợ trở lại càng thêm tội, như cá chui đầu vào lưới, như con thiêu thân lao mình vào ngọn lửa, tính toán nông cuồng, khôn lanh tà vạy, càng mê càng xa, như khát nước lại uống nước muối, râu rồng quấn thân xuống nước càng đau đớn, da trâu bó vào mình ra nắng càng cứng chắc, như người mù vào trong rừng gai góc, chìm đắm trong nước xoáy, như cầm dao bén, ôm cây đuốc, sự thống khổ đâu thể nói được! Đuôi hổ đầu rắn làm sao không sợ hãi! Tự suy nghĩ như thế thương xót người khác cũng vậy. Giả sử đi vào đường hiểm trở xa lìa nước oán thù, ném đủ mùi cay đắng, chết đi sống lại, đi đến xóm nghèo làm thuê nặng nhọc cả ngày, nghỉ lại nơi am cỏ chẳng chịu đi tới, thích làm việc nhỏ mọn, chẳng tin chẳng biết, thật đáng thương! Tư duy về mình về người, ghen ngào đau đớn cho mình cho người bèn khởi đại bi, phát hai lời nguyện: “Chúng sinh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn”. Tuy biết chúng sinh như hư không, thế độ chúng sinh như hư không; tuy biết phiền não không thật có, thế đoạn phiền não không thật có; tuy biết số chúng sinh rất nhiều, thế độ chúng sinh rất nhiều; tuy biết phiền não không đáy mà thế đoạn phiền não không đáy; tuy biết chúng sinh như Phật như, mà thế độ chúng sinh như Phật như; tuy biết phiền não như thật tướng, mà đoạn phiền não như thật tướng. Vì sao ? Nếu chỉ nhỏ cái nhân khổ, cái quả khổ, lời thế này tạp độc nên phải quán không. Nếu thiên về quán không thì chẳng thấy chúng sinh đê độ, đây là người chấp không, chư Phật chẳng thể hóa độ. Nếu riêng thấy chúng sinh đê độ liền rơi vào ái kiến đại bi,

chẳng phải đạo giải thoát. Đây chẳng phải độc, chẳng phải nguy nên gọi là chân; chẳng phải không biên, chẳng phải hữu biên nên gọi là chính. Như chim bay trong hư không, hoàn toàn chẳng trụ nơi hư không; tuy chẳng trụ hư không mà dấu vết chẳng thể tìm; tuy không mà độ, tuy độ mà không thể nên lời thệ cùng hư không so sánh nhau nên gọi là chân chính phát tâm bồ-đề, chính là ý này vậy. Lại biết tâm bất tư nghì, một tâm vui, tất cả tâm vui, ta và chúng sinh xưa kia tuy cầu vui mà chẳng biết nguyên nhân của vui. Như chấp sỏi gạch cho là ngọc như ý, cho ánh sáng đom đóm là mặt trời, mặt trăng. Ngày nay mới hiểu nên khởi đại bi, phát hai thệ nguyện: “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”. Tuy biết pháp môn vắng lặng như hư không, thệ nguyện tu hành vắng lặng như hư không; tuy biết bồ-đề không có thật mà tôi vẫn cố cầu tìm; tuy biết pháp môn như hư không không thật có mà thệ hội họa trang nghiêm hư không; tuy biết Phật đạo chẳng phải năng thành sở thành, như trồng cây trong hư không mong được hoa quả; tuy biết pháp môn và quả Phật chẳng phải tu, chẳng phải chẳng tu mà tu chẳng chứng, chẳng đắc, dùng vô sở chứng đắc mà chứng đắc. Đây gọi là phi nguy, phi độc gọi là chân; phi không, phi ái kiến gọi là chính. Như vậy thệ nguyện từ bi cùng với cảnh trí bất khả tư nghì chẳng trước, chẳng sau, đồng thời cùng khởi, từ bi là trí tuệ, trí tuệ là từ bi, vô duyên vô niệm che trùm khắp cả, nhiệm vận cứu khổ, tự nhiên ban vui, chẳng đồng độc hại, chẳng đồng đăn không, chẳng đồng ái kiến, đây là nghĩa chân chính phát tâm bồ-đề.

Hỏi: *Kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng: “Thiên định giữ tâm thường một duyên, trí tuệ liễu cảnh đồng tam-muội” tại sao ngộ nhập nhất tâm có thể khiến căn cảnh đều thành tam-muội ?

Đáp: Tất cả cảnh giới trong ngoài đều từ nhất tâm chân như khởi, chân tâm chẳng động nên gọi là tam-muội vương, vì thống trị tất cả muôn pháp muôn hạnh nên được gọi là vương. Không một pháp nào chẳng từ nhất tâm chân như tam-muội khởi, đây là căn

bản của tất cả tam-muội. Thấu rõ căn bản này thì niệm niệm trần trần do gốc này hiện ra đều thành tam-muội, vì gốc ngọn không khác nhau. Kinh Bảo Tích có bài kệ:

*Như dùi gõ phát lửa
Phải nhờ các duyên lực
Nếu duyên chẳng hòa hợp
Lửa chẳng thể phát sinh
Âm thanh chẳng vừa ý
Rốt ráo không thật có
Vì biết tính là không
Sân cũng chẳng phát sinh
Sân chẳng tại âm thanh
Cũng chẳng trụ trong thân
Nhân duyên hòa hợp khởi
Lìa duyên trọn chẳng sinh
Như nhờ duyên v.v...
Hòa hợp sinh tô lạc
Tự tính sân không khởi
Do nơi việc thô ác
Người ngu chẳng thể rõ
Nhiệt não tự thiêu đốt
Cần phải biết như thế
Rốt ráo không thật có
Tính sân vốn lặng lẽ
Chỉ có nơi giả danh
Sân giận là thực tế
Vì nương chân như khởi
Rõ biết như pháp giới
Đây là sân tam-muội.*

Lại có bài kệ nói:

*Thân đại dạ-xoa này
Từ nơi tự tâm khởi*

*Trong ấy không có thật
Vọng sinh nổi sợ hãi
Cũng không tâm sợ hãi
Mà sinh ra sợ hãi
Quán pháp chẳng phải thật
Vô tướng vô sở đắc
Nơi không vô vắng lặng
Hiện thân dạ-xoa này
Biết hư vọng như thế
Là dạ-xoa tam-muội.*

Thân dạ-xoa bên ngoài rất thô xấu khiến người kinh hãi; sân giận là căn bản phiền não hay làm phiền loạn. Hai pháp trong ngoài này vẫn có thể thành tam-muội, nêu một ví dụ để làm gương soi; ngoài ra tất cả gương tâm không gì chẳng phải tam-muội.

Kinh Lăng Già ghi: “Phật dạy: Đại Huệ, thế nào là tam-muội nhạo chính thọ ý sinh thân ? Đó là tam-muội nhạo chính thọ của tam địa, tứ địa, ngũ địa, cho nên các loại tự tâm tịch tĩnh an trụ biến tâm khởi lên các sóng thức, tướng chẳng sinh, biết tự tâm hiện cảnh giới tính phi tính, đây gọi là tam-muội nhạo chính thọ ý sinh thân”. Vì thế biết rõ cảnh là tâm không vật nào khác, thấu suốt vốn vắng lẽ thì biến tâm thường an, phân biệt chẳng khởi là chính thọ. Vì thế không vật để thu nạp gọi là chính thọ; không cảnh để lay động gọi là chính định.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội ghi: “Hỏi thiên tử Hiện Ý, Bồ-tát tu pháp gì để được tam-muội này ? Thiên tử đáp: Muốn được tam-muội cần phải tu tập pháp phàm phu; nếu thấy pháp phàm phu chẳng hợp chẳng tan, đây là tu hành Lăng Nghiêm tam-muội.

Lại hỏi trong pháp của chư Phật có hợp tan chẳng ?

Đáp: Pháp phàm phu còn không hợp tan huống là Phật pháp ? Làm sao tu tập ? Nếu thấy pháp phàm phu và pháp chư Phật chẳng khác, đây là tu tập”. Thế nên rõ môn nhất tâm thành hiện thì không tu mà tu, đạt thể vạn pháp đầy đủ là chẳng tập mà tập; xuất nhập vô

tế, tâm cảnh nhất như thì trong tất cả pháp sai biệt niệm niệm nhập niệm niệm khởi.

Do đó *kinh Hoa Nghiêm* ghi: “Này Phật tử, Bồ-tát ma-ha-tát nhập nhất thiết chúng sinh sai biệt thân tam-muội, nơi tam-muội này nội thân nhập ngoại thân khởi, ngoại thân nhập nội thân khởi, đồng thân nhập dị thân khởi, dị thân nhập đồng thân khởi, cho đến nhãn xứ nhập nhĩ xứ khởi, nhĩ xứ nhập nhãn xứ khởi, tỷ xứ nhập thiệt xứ khởi, thiệt xứ khởi thiệt xứ nhập tỵ xứ khởi, thân xứ nhập ý xứ khởi, ý xứ nhập thân xứ khởi, tỵ xứ nhập tha xứ khởi, tha xứ nhập tỵ xứ khởi, trong một vi trần nhập trong vô số thế giới vi trần khởi, trong vô số thế giới vi trần nhập trong một vi trần khởi. Không chỉ căn cảnh đều thành tam-muội mà muôn pháp đều thành trí môn, nương vào ánh sáng của Tông Cảnh này có thể gọi là tận thiện tận mỹ. Vì sao ? Thế gồm hư tịch chẳng thể ca ngợi vẻ đẹp của nó; lý bất kiến văn chẳng thể ghi chép lỗi lầm của nó. Từ đây trở xuống đều rơi vào hình tướng danh tự thì khó tránh khỏi sự chệch lạc và ca ngợi.

Như người xưa nói: Đại đạo hồn nhiên vô hình, tịch nhiên vô thanh, nhìn chẳng thấy, lắng chẳng nghe, chẳng có thể lấy bóng vang để biết, chẳng có thể đem chê khen để gọi. Từ đây trở đi sự tướng chẳng tốt đẹp, danh tự chẳng tròn đầy. Tuy trời đất bao la, tam quang sáng chói, trí tuệ của Thánh hiền vẫn chưa khỏi sự khen chê, cho nên trời có tượng nứt ra, đất có hình chia cách, nhật nguyệt có khuyết đầy, ngũ tinh có sao chổi, vua Nghiêu bị chê chẳng thương người, vua Thuấn bị nói xấu lừa dối cha, vua Thang được khen là phóng thích vua, vua Vũ bị mĩa mai giết chúa, Tề Hoàn có cặp mắt tham dâm, Tấn Văn có lời nói chẳng khiêm tốn, Y Doãn có cử chỉ không tôn kính, Quản Trọng mang tiếng lừa dối bề trên. Bởi lưỡng nghi, thất diệu chẳng thể không vui đây, các vua Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ chẳng thể khỏi bị chê bai, các bậc hiền Hoàn, Văn, Y Doãn, Quản Trọng chẳng thể tránh lỗi lầm. Do đây quán sát, vũ trụ luôn lưu chuyển sao có thể tự tránh khỏi oán thù

chê bai mà không hối tiếc. Nếu dùng tâm trí thông linh làm thành sự giáo hóa vô vi thì mọi sự hệ lụy chẳng liên can.

Hỏi: Ý nghĩa nhất tâm là môn tổng quát, pháp nghĩa khó rõ cần phải khai diễn, thế nào là pháp, thế nào là nghĩa ?

Đáp: Pháp vốn không sai, tùy nghĩa có khác; từ pháp sinh nghĩa, sai biệt khó rõ. Nhân nghĩa hiển pháp, nhất tâm dễ biết. *Thiền Nguyên Tập* dùng sự so sánh để giải thích hai môn pháp nghĩa, như vàng ròng nhờ người thợ kim hoàn mà trở thành vòng xuyên v.v... Tính vàng hẵn không thể biến thành đồng, sắt. Vàng là pháp, bất biến tùy duyên là nghĩa. Giả sử có người hỏi vật gì bất biến, vật gì tùy duyên; chỉ cần đáp: Vàng, để dụ cho một tạng kinh luận, nghĩa lý chỉ nói về tâm. Tâm là pháp, tất cả là nghĩa. Cho nên luận nói: “pháp là tâm chúng sinh”; kinh nói: “Vô lượng nghĩa là từ một pháp sinh”. Vô lượng nghĩa bao quát chỉ có hai nghĩa: một bất biến, hai tùy duyên. Các kinh chỉ nói tâm này tùy theo duyên mê ngộ thành cấu tịnh phàm Thánh v.v...; cũng chỉ nói tâm này lúc cấu tịnh v.v... vốn bất biến, thường tự tịch diệt, chân thật như như v.v...

Giả sử có người hỏi pháp gì bất biến, pháp gì tùy duyên ? Chỉ đáp: tâm. Bất biến là tính, tùy duyên là tướng; nên biết tính tướng đều là nghĩa trên nhất tâm. Nay hai tông tính tướng trái nghịch nhau, vì bởi chẳng biết chân tâm. Mỗi khi nghe chữ “tâm” thì cho rằng chỉ là tám thức, chẳng biết tám thức chỉ là nghĩa tùy duyên trên chân tâm, cho nên ngài Mã Minh cho nhất tâm là pháp, hai môn chân như, sinh diệt là nghĩa. Luận nói: “Nương theo tâm này hiển bày nghĩa Ma-ha-diễn Tâm chân như là thể, tâm sinh diệt là tướng dụng. Tâm này chẳng hư vọng nên gọi là chân, chẳng biến đổi nên gọi là như, chẳng giữ lấy tự tính nên tùy duyên, vì tùy duyên nên thành vô lượng nghĩa. Lại do bất biến nên có thể tùy duyên, do tùy duyên nên mới có thể bất biến. Vì sao ? Nghĩa là nếu biến đổi tự thể thì lấy cái gì tùy duyên, như không có nước làm sao thành sóng, cho nên biết nhất tâm bất động, nghĩa khắp Hằng sa, tuy khắp Hằng sa mà đều là nghĩa nhất tâm.

Hỏi: Muốn tịnh cõi nước phải tịnh tâm thì ngoài tâm có cõi nước làm sao thành tự tịnh ?

Đáp: Chí cực pháp thân, thường tịch quang độ, là thân không cõi nước, là cõi nước không thân. Y báo là tướng của tâm, chính báo là thể của tâm. Thể tướng vô ngại, y chính vốn đồng, cho nên nhiếp cảnh trở về tâm. Chân không quán trung đạo thì nhiếp tướng quy thể, hiển xuất pháp thân, từ tâm hiện cảnh. Diệu hữu quán trung đạo thì y thể khởi dụng, tu thành báo thân. Nếu tâm cảnh bí mật viên dung quán trung đạo thì tâm cảnh giao xen, y chính vô ngại. Tâm là tâm vô ngại, chư Phật chứng tâm này để thành pháp thân. Cảnh là cảnh vô ngại, chư Phật chứng cảnh này để thành Tịnh độ. Trong *Tịnh Danh Sớ*, giải thích về quán tâm có bốn cảnh giới: Một là cảnh nhân duyên, hai là cảnh không, ba là cảnh giả, bốn là cảnh trung đạo. Cảnh là chỗ y trụ của tâm, tức là cõi nước.

Về vấn đề chúng sinh, Phật bảo tỳ-kheo ngày đêm các ông thường sinh vô lượng trong nghìn chúng sinh, nay do tâm nhiều cảnh cũng nhiều, tâm ít cảnh cũng ít. Quán tâm chiếu ít cảnh tức là ít cõi nước; quán tâm chiếu nhiều cảnh tức là nhiều cõi nước. Quán cảnh nhân duyên như vậy chính là giáo hóa chúng sinh. Có người quán cảnh xấu ác mà tỏ ngộ đây là uế độ nhập trí tuệ Phật; có người quán cảnh tốt lành mà tỏ ngộ đây là tịnh độ nhập trí tuệ Phật. Khởi gốc rễ Bồ-tát nghĩa là tùy chỗ quán cảnh thiện ác, rõ biết cảnh này chính là tất cả pháp, pháp này xưa nay rất ráo thường tịch cảnh thường tịch phát ra chân trí, cõi Phật nương nơi chân trí là thường tịch quang độ. Lại nữa, người tu quán bốn cảnh này chẳng phải vì tham đắm cảnh giới mà chỉ hóa phục phiền não tâm số chúng sinh. Vận dụng bốn tâm này phát khởi thệ nguyện: nguyện pháp giới chúng sinh đều được như tôi, giáo hóa tâm số này khiến cho thanh tịnh, chính là tịnh độ an lập hữu vi duyên tập chúng sinh. Người tu hành nên biết tất cả Bồ-tát tịnh cõi nước Phật căn bản từ đây mà khởi, cây to cả vòng ôm sinh ra từ chỗ cựa nhỏ bé.

Lại phàm Thánh đồng ở chung một cõi nước vi diệu; chỗ nương của chân tục chỉ là một pháp thân; sở y chẳng hai, năng y tự khác. Sở đã không khác, năng làm sao biệt, vô thi vọng tập cho là y chính sai biệt. Nếu có thể dung thông tất cả, đâu thấy thân độ sai khác, sự quán tâm này thật chân tịnh độ, là chân liễu nghĩa; nêu lia đây, phần nhiều chấp văn tự, theo lời nói sinh kiến chấp. *Nghĩa Hải* nói: “Hạt bụi, mảy lông, cõi nước vô lượng là y báo; Phật thân, trí tuệ, quang minh là chính báo”. Hiện tại hạt bụi này là Phật trí hiện, toàn thể là Phật trí, cho nên trong ánh sáng thấy cõi Phật v.v... Lại cõi nước hay hạt bụi đều lấy Phật pháp giới như như làm thể, thể nên trọng hạt bụi hiện tất cả Phật sự, nên biết y là chính, chính là y, cho đến một việc, một pháp, một mảy lông, một hạt bụi đều như, là phù hợp với y chính Phật, vì thế biết vạn pháp phồn hưng chỉ là nhất trí.
